

Bản án số: 614/2017/DS-PT

Ngày: 11-7-2017

V/v tranh chấp liên quan đến yêu
cầu tuyên bố văn bản công chứng
vô hiệu.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng**

Các Thẩm phán: 1/ Ông **Lưu Trường Sanh**
2/ Bà **Nguyễn Đức Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên** – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy** – Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2017/TLPT -
DS ngày 27/4/2017 về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu.”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 97/2017/DSST ngày 14/03/2017 của Tòa án
nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và Quyết định Kháng
nghị số 06/QĐKNPT ngày 28/03/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận K,
Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1014/2017/QĐ – PT,
ngày 23/05/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3388/2017/QĐ – PT ngày
14/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hà Thị A**, sinh năm 1935;

Địa chỉ: 62 B, Phường C, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 159/16C1 đường H, Phường C, quận K, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A có ông **Lê Xuân T**, sinh năm 1953;
(có mặt)

Địa chỉ: 68 đường L, Phường N, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo
Giấy ủy quyền số 003648 ngày 26/5/2017 tại Văn phòng công chứng P);

2. *Bị đơn:* Bà **Bùi Phương M**, sinh năm 1994; (có mặt)

Địa chỉ: 62 đường B, Phường C, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: C5/1/3C đường P, xã Z, huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M có ông **Tô Đình D**, sinh năm 1983; (có mặt)

Địa chỉ: 441/15B đường V, Phường X, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 14182 ngày 07/7/2017 tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Bùi Thị E**, sinh năm 1957; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 83 đường H, Phường C, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Bùi Quang Q**, sinh năm 1961; (có mặt)

Địa chỉ: 62 đường B, Phường C, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 159/16C1 đường H, Phường C, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà **Bùi Thị Lệ R**, sinh năm 1975; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 151/146A1 Tổ P, Khu phố D, phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. **Phòng công chứng A Thành phố Hồ Chí Minh;**

Địa chỉ: 25/5 đường J, Phường Y, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Mạnh T** – Chức vụ: Trưởng phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Thu R**, sinh năm 1984. (có mặt) (Theo Giấy ủy quyền số 200/CC4 ngày 12/6/2017);

5. **Ủy ban nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Châu Minh V**; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 387A J, Phường G, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 1032/UQ-UBND ngày 06/6/2017).

6. *Người kháng cáo:*

6.1 Bà **Bùi Phương M** – Bị đơn.

6.2 **Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh** – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

7. *Viện kiểm sát kháng nghị:* **Viện kiểm sát nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hà Thị A có người đại diện theo ủy quyền ông Lê Xuân T trình bày:

Nhà đất số 62 đường B, Phường C, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà Hà Thị A và ông Bùi Kim N theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3242/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố

Hồ Chí Minh cấp ngày 12/4/2000. Bà A và ông N có 04 người con chung là bà Bùi Thị E, ông Bùi Quang Q, ông Bùi Tăng G (chết năm 1997 có con là bà Bùi Phương M) và bà Bùi Thị Lệ R.

Ngày 20/5/2009, ông N chết không để lại di chúc. Ngày 15/5/2014 các đồng thừa kế của ông N là bà A, bà E, ông Q, bà R và người thừa kế thế vị của ông G là bà Bùi Phương M cùng thống nhất thỏa thuận tặng cho quyền thừa kế mà các bên được hưởng đối với di sản do ông Bùi Kim N chết để lại cho bà Bùi Phương M. Cùng ngày 15/5/2014, bà A tặng cho phần tài sản thuộc quyền sở hữu của bà đối với nhà đất nêu trên cho ông Bùi Quang Q.

Ngày 31/10/2014, ông Q và bà M được Ủy ban nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ CH01695.

Ngày 01/3/2016, bà A khởi kiện yêu cầu hủy bỏ văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 15/5/2014 lập tại Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 03/6/2016, bà A có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy bỏ văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do nội dung tại văn bản thỏa thuận này không đúng với Điều 49 Luật Công chứng năm 2006 và yêu cầu hủy bỏ phần cập nhật sang tên bà Bùi Phương M trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH01695 do Ủy ban nhân dân quận K cấp ngày 31/10/2014. Ngày 24/10/2016, bà A có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy bỏ văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 15/5/2014 lập tại Phòng công chứng A Thành phố Hồ Chí Minh và rút lại yêu cầu hủy bỏ phần cập nhật sang tên bà Bùi Phương M trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH01695 do Ủy ban nhân dân quận K cấp 31/10/2014.

Bị đơn bà Bùi Phương M trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số 62 B, Phường C, quận K là tài sản chung của ông Bùi Kim N và bà Hà Thị A, là ông bà nội của bà. Ông N và bà A có 04 người con gồm: Bà Bùi Thị E, ông Bùi Quang Q, ông Bùi Tăng G và bà Bùi Thị Lệ R. Bà là con duy nhất của ông Bùi Tăng G (chết năm 1997). Ngày 20/5/2009, ông N chết không để lại di chúc.

Ngày 15/5/2014, các đồng thừa kế của ông N gồm: Bà A, bà E, ông Q, bà R ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có chứng nhận của Phòng công chứng A, với nội dung cùng thống nhất thỏa thuận tặng cho quyền thừa kế mà các bên được hưởng đối với di sản do ông Bùi Kim N chết để lại cho bà Bùi Phương M là một trong các đồng thừa kế. Ngày 31/10/2014, Ủy ban nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ CH01695 cho ông Bùi Quang Q và bà Bùi Phương M. Nay Bà A và ông Q yêu cầu hủy bỏ văn bản thỏa thuận phân chia di sản, bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị E trình bày:

Khi cha bà là ông Bùi Kim N còn sống có thống nhất căn nhà số 62 B, Phường C, quận K chia hai phần cho hai người con trai. Ngày 20/5/2009, ông N chết không để lại di chúc. Ngày 15/5/2014, các đồng thừa kế của ông N cùng ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cùng thống nhất thỏa thuận tặng cho quyền thừa kế mà các bên được hưởng đối với di sản do ông N chết để lại cho bà M là con duy nhất của ông Bùi Tăng G. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà A về việc hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quang Q trình bày:

Ông thống nhất và đồng ý với yêu cầu của bà A, yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 15/5/2014 tại Phòng công chứng A Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Lệ R trình bày:

Bà đồng ý và thống nhất với ý kiến của bà Bùi Thị E. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Biên về việc hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày :

Ngày 23/4/2014, Công chứng viên tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng thỏa thuận phân chia di sản do ông Bùi Kim N chết để lại đối với di sản là phần sở hữu, sử dụng của ông N đối với nhà ở, đất ở tại địa chỉ số 62 B, Phường C, quận K. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được bà Hà Thị A, ông Bùi Quang Q, bà Bùi Thị E, bà Bùi Thị Lệ R và bà Bùi Phương M lập tại Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/5/2014. Việc chứng nhận văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế trên được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 49 Luật Công chứng năm 2016 và Điều 19 Nghị định 04/2013/NĐ-CP ngày 07/01/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà A, Phòng Công chứng A đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số 62 B thuộc sở hữu của ông Bùi Kim N theo Quyết định số 05/QĐ ngày 22/8/1989 của Cục Chính trị cấp với diện tích 152m². Ngày 01/8/1999, ông Bùi Kim N và bà Hà Thị A đăng ký kê khai nhà đất với diện tích 170,77m². Ngày 12/4/2000, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3242/2000 cho ông N và bà A. Ngày 20/5/2009, ông N chết theo giấy chứng tử số 37/2009, quyền số 1/P2, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường K vào ngày 21/5/2009.

Ngày 15/5/2014, các ông bà Hà Thị A, Bùi Thị E, Bùi Quang Q, Bùi Thị Lệ R, Bùi Phương M thống nhất tặng cho quyền thừa kế được hưởng đối với di sản do ông N chết để lại cho bà Bùi Phương M theo văn bản thỏa thuận phân

chia di sản thừa kế số 016828 được Phòng công chứng A chứng nhận. Cùng ngày 15/5/2014, bà A tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất của bà A cho ông Bùi Quang Q theo hợp đồng tặng cho số 016829 được Phòng công chứng số 4 chứng nhận, đã trước bạ ngày 29/5/2014. Ngày 21/7/2014, ông Bùi Quang Q và bà Bùi Phương M nộp đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với nhà đất nêu trên. Ngày 31/10/2014, Ủy ban nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH01695 cho ông Q và bà M. Việc Ủy ban nhân dân quận K cấp giấy là đúng theo thủ tục quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 97/2017/DSST ngày 14/03/2017 của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 016828, quyền 05 TP/CC-SCC/DS do Phòng công chứng A Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 15/5/2014 là vô hiệu.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cập nhật tên Bùi Phương M trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH01695 do Ủy ban nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/10/2014 do bà A rút lại yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/03/2017, bị đơn bà Bùi Phương M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 31/3/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 28/03/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-KNPT kháng nghị một phần nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Bùi Phương M có người đại diện ủy quyền trình bày kháng cáo: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng Tòa sơ thẩm nhận định thiếu khách quan, áp dụng không đúng pháp luật.

Theo Khoản 2 Điều 49 Luật công chứng năm 2006, các đồng thừa kế của ông N khi ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 15/5/2014 đã xuất trình giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do ông N đứng tên nên không cần phải làm thủ tục chuyển sang tên cho các đồng thừa kế. Không thể căn cứ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng tặng cho để áp vào Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế. Theo Điều 49 Luật công chứng năm 2006, người được hưởng di sản được quyền tặng cho quyền thừa kế của mình cho người khác. Do đó nội dung của Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa

kể thể hiện ý chí của các đồng thừa kế của ông N tự nguyện tặng cho bà Bùi Phương M phần tài sản mà họ được hưởng nên Phòng công chứng A chứng nhận là đúng quy định. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày yêu cầu kháng cáo:

Văn bản thỏa thuận phân chia di sản do công chứng viên, Phòng công chứng A chứng nhận ngày 15/5/2014 không phải là hợp đồng tặng cho bất động sản. Tại Khoản 1 Điều 49 Luật công chứng năm 2006 quy định “Người thừa kế theo pháp luật hoặc theo di chúc mà không xác định rõ phần di sản từng người, thì họ có quyền yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản, người được hưởng di sản có thể tặng cho toàn bộ hoặc một phần quyền hưởng di sản của mình cho người khác”. Như vậy, công chứng viên chứng nhận Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 15/5/2014 với nội dung các đồng thừa kế của ông N là bà Hà Thị A, bà Bùi Thị E, ông Bùi Quang Q và bà Bùi Thị Lệ R cùng đồng ý thỏa thuận tặng cho phần di sản của họ được hưởng cho bà Bùi Phương M, để bà Bùi Phương M được trọn quyền thừa kế đối với di sản do ông Bùi Kim N chết để lại là thực hiện đúng theo pháp luật quy định.

Tài sản tặng cho trong vụ án này là quyền hưởng di sản. Từ thời điểm mở thừa kế những người thừa kế đã có các quyền hưởng di sản do ông Bùi Kim N chết để lại nên họ có quyền tặng cho toàn bộ hoặc một phần quyền hưởng di sản của mình cho người thừa kế khác. Tại Điều 613 Bộ luật Dân sự năm 2005 đã thể hiện rõ quyền thừa kế còn được hiểu là quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật. Do đó, công chứng chứng nhận: “Tặng cho quyền thừa kế” tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 15/5/2014 là đúng quy định, đề nghị Tòa án phúc thẩm tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 15/5/2014 có hiệu lực, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Hà Thị A có ông Lê Xuân T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 15/5/2014 lập tại Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh vô hiệu vì vi phạm điều cấm của pháp luật theo quy định tại điểm 3, Khoản 1, Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005. Văn bản không đúng quy định về hình thức do tiêu đề không thể hiện phần tặng cho, thiếu nội dung phân chia. Không thể hiện việc phân chia cụ thể bao nhiêu phần là trái quy định pháp luật; Không có biên bản hợp thỏa thuận; Chưa xác lập quyền sở hữu của bà A nhưng đã tặng cho nên việc tặng cho là không đúng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 467 Bộ luật dân sự năm 2005 thì việc tặng cho bất động sản phải công chứng, chứng thực, bà A cũng chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận nên việc tặng cho là vi phạm Khoản 4 Điều 12, Điều 167, 168 Luật Đất đai năm 2013. Nội dung thỏa thuận không phù hợp

với Khoản 1 Điều 49 Luật công chứng năm 2006. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị:

Căn cứ Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế ngày 15/5/2014 do Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh lập thể hiện các đồng thừa kế của ông N là bà A, ông Q, bà E và bà R thỏa thuận tặng cho phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Bùi Phương M.

Căn cứ vào lời khai của tất cả các đồng thừa kế đã ký vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 15/5/2014 thì ý chí khi thực hiện giao dịch của tất cả những người ký vào vào văn bản thỏa thuận là “tặng cho quyền hưởng di sản” mà các đồng thừa kế được hưởng.

Quyền tặng cho “quyền hưởng di sản” không được quy định trong Bộ luật dân sự, nhưng lại được thừa nhận trong Luật công chứng năm 2006, và trong Bộ luật dân sự năm 2005 cũng không có điều luật nào cấm quyền tặng cho “quyền thừa kế” hay “quyền hưởng di sản”.

Về đối tượng giao dịch, “quyền thừa kế” mà văn bản công chứng ghi nhận ở đây hướng tới một đối tượng tài sản cụ thể là căn nhà số 62 B, Phường C, quận K chứ không là “quyền thừa kế” mang tính chất chung chung như Hội đồng xét xử nhận định.

Căn cứ Luật đất đai năm 2013 thì bà A, bà E, ông Q, bà R đều là những đồng thừa kế có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở được thừa kế từ di sản ông N để lại, nên có đủ quyền năng để tặng cho theo quy định Điều 168 Luật đất đai.

Như vậy, văn bản thỏa thuận ngày 15/5/2014 đã thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của một giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn bà A và ông Q đều xác định có ký tên, công chứng viên có giải thích việc ký tặng, nhưng do bà M cư xử với gia đình không đúng nên mới khởi kiện. Nguyên đơn cho rằng 02 văn bản phân chia di sản cho bà M và hợp đồng bà A tặng cho tài sản của mình cho ông Q được lập cùng ngày thì bà A không còn tài sản để cho bà M, nhưng nguyên đơn không chứng minh được văn bản nào ký trước để xác định tài sản không còn.

Do đó, việc bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 15/5/2014 vô hiệu là không đúng

quy định tại Điều 49 Luật công chứng năm 2006, Điều 122, Điều 309, Điều 681 Bộ luật dân sự năm 2005.

Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Phương M và Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Bùi Phương M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3242/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/4/2000 thể hiện nhà đất số 62 B, Phường C, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà Hà Thị A và ông Bùi Kim N. Bà A và ông N có 04 người con chung là bà Bùi Thị E, ông Bùi Quang Q, bà Bùi Thị Lệ R và ông Bùi Tăng G (ông G chết ngày 14/4/1997, có con duy nhất là bà Bùi Phương M).

Ngày 20/5/2009, ông N chết, không để lại di chúc. Những người thừa kế theo pháp luật của ông N gồm bà Hà Thị A, bà Bùi Thị E, ông Bùi Quang Q, bà Bùi Thị Lệ R và bà Bùi Phương M.

Ngày 15/5/2014, những người thừa kế của ông N cùng ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có chứng nhận tại Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung văn bản này thể hiện: Di sản của ông Bùi Kim N chết để lại là: Phần sở hữu, sử dụng của ông Bùi Kim N đối với nhà ở, đất ở tại số 62 B, Phường C, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, những người thừa kế của ông N cùng thống nhất thỏa thuận tặng cho quyền thừa kế mà họ được hưởng đối với di sản do ông Bùi Kim N chết để lại cho Bùi Phương M để bà M được trọn quyền thừa kế di sản của ông Bùi Kim N chết để lại. Việc thỏa thuận phân chia trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối. Các bên đã đọc lại và đồng ý ký tên, điểm chỉ vào văn bản, có sự chứng thực của công chứng viên Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Khoản 1 Điều 49 Luật Công chứng năm 2006 quy định: “Những người thừa kế theo pháp luật hoặc theo di chúc mà trong di chúc không xác định rõ phần di sản được hưởng của từng người thì họ có quyền yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản, người được hưởng di sản có thể tặng cho toàn bộ hoặc một phần quyền hưởng di sản của mình cho người thừa kế khác”.

Tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 15/5/2014, có công chứng viên chứng nhận đã thể hiện rõ ý chí tự nguyện của bà A, bà E, ông Q, bà R cùng thống nhất thỏa thuận tặng cho quyền thừa kế mà họ được hưởng đối với di sản do ông Bùi Kim N chết để lại cho bà Bùi Phương M. Tặng cho quyền thừa kế có nghĩa là những người thừa kế có quyền tặng cho phần di sản mà họ được hưởng cho thừa kế khác. Như vậy, tài sản tặng cho trong vụ án này là quyền hưởng di sản. Tại thời điểm mở thừa kế những người thừa kế đã có các quyền hưởng di sản do ông Bùi Kim N chết để lại nên họ có quyền tặng cho toàn bộ hoặc một phần quyền hưởng di sản của mình cho người thừa kế khác.

Tại Điều 613 Bộ luật dân sự năm 2005 đã thể hiện rõ quyền thừa kế còn được hiểu là quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật. Do đó, công chứng viên chứng nhận “tặng cho quyền thừa kế” là ghi nhận thỏa thuận của người thừa kế “tặng cho quyền được hưởng di sản” theo quy định Khoản 1 Điều 49 Luật Công chứng tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 15/5/2014 là đúng quy định. Như vậy, việc công chứng viên chứng nhận trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 15/5/2014 “Tặng cho quyền thừa kế” là đúng quy định pháp luật.

Tại Điều 638 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: “Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền nghĩa vụ do người chết để lại”. Như vậy, kể từ khi ông Bùi Kim N chết ngày 20/5/2009 thì những người thừa kế của ông N là bà A, bà E, ông Q, bà R và người thừa kế của ông G là bà Bùi Phương M đã có các quyền về tài sản do ông N chết để lại.

Như vậy “tặng cho quyền thừa kế” là ghi nhận thỏa thuận của người thừa kế “tặng cho quyền được hưởng di sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 49 Luật Công chứng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 15/5/2014 vô hiệu là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cho rằng: Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 15/5/2014 không đúng quy định về hình thức do tiêu đề không thể hiện phần tặng cho, thiếu nội dung phân chia. Không thể hiện cụ thể là phân chia cụ thể bao nhiêu phần. Xét thấy, mặc dù tiêu đề không ghi phần tặng cho nhưng phần nội dung tại Điều 2 của Văn bản đã thể hiện đúng ý chí đúng bản chất sự việc là các đồng thừa kế cùng thống nhất thỏa thuận tặng cho bà Bùi Phương M được trọn quyền thừa kế đối với di sản trên, đã được xác lập trước sự chứng kiến của công chứng viên. Nội dung thỏa thuận phù hợp với Khoản 1 Điều 49 Luật công chứng năm 2006. Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của bà A và các đồng thừa kế khác của ông N đã được xác định là phần di sản của ông N chết để lại là phần sở hữu, sử dụng của ông Bùi Kim N đối với nhà ở đất ở tại số 62 B, Phường C, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh nên những người này đã tự nguyện tặng cho quyền hưởng di sản cho bà M. Do đó, văn bản thỏa thuận phân chia di sản do Phòng công chứng A chứng nhận ngày 15/5/2014 là thực hiện đúng quy định.

Án sơ thẩm nhận định: Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế như là một hợp đồng tặng cho bất động sản, từ đó căn cứ Điều 465, Điều 467, Khoản 2 Điều 170 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 168 Luật Đất đai 2013 cho rằng: Bà A tặng cho phần tài sản là bất động sản chưa thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của mình là không thực hiện đúng quy định pháp luật, khi thực hiện quyền của người sử dụng đất là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 12 Khoản 4 Luật Đất đai năm 2013. Nhận định này của Tòa sơ thẩm là không đúng. Bởi lẽ, tại Khoản 2 Điều 49 Luật công chứng năm 2006 để thể hiện các đồng thừa kế xuất trình Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà quyền sử dụng đất do ông N và bà A đứng tên, không cần thiết phải chuyển tên cho các đồng thừa kế. Bà A, ông Q, bà E, bà R là những người thừa kế theo pháp luật của ông N có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà quyền sử dụng đất với phần di sản của ông N chết để lại theo quy định tại Điều 99 Luật đất đai 2013.

Từ những nhận định trên, không thể căn cứ các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng tặng cho áp dụng vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế để cho rằng văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế là hành vi bị nghiêm cấm như Tòa sơ thẩm nhận định.

Tại việc thỏa thuận của các đồng thừa kế trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 15/5/2014 với nội dung: "...cùng thống nhất thỏa thuận tặng cho quyền thừa kế mà chúng tôi được hưởng đối với di sản do ông Bùi Kim N chết để lại cho bà Bùi Phương M" tức là quyền hưởng di sản đối với phần sở hữu của ông N tại căn nhà 62 B, Phường c, quận K để lại là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 49 Luật công chứng 2006 và đúng ý chí của các đồng thừa kế tự nguyện tặng cho bà Bùi Phương M.

Như vậy, Tòa án sơ thẩm nhận định văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 15/5/2014 đã vi phạm điều cấm của pháp luật và tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 15/5/2014 vô hiệu là không đúng quy định pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn bà M là có cơ sở được chấp nhận.

Xét kháng cáo của Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh: Như phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 15/5/2014 vô hiệu là không đúng. Do đó, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở được chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Phương M, chấp nhận kháng cáo của Văn Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị A yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở được chấp nhận.

Nguyên đơn bà Hà Thị A rút yêu cầu hủy bỏ phần cập nhật tên Bùi Phương M trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài

sản gắn liền với đất số CH01695 do Ủy ban nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/10/2014, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của bà A là đúng, giữ nguyên phần này.

Với những căn cứ trên, hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Phương M, chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu nguyên đơn không được chấp nhận nên bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; sửa án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ 128, 137, 163, 170, 465, 467, 631 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 49 Luật Công chứng năm 2006;

Căn cứ Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Bùi Phương M;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2017/DSST ngày 14/3/2017 của Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị A về việc yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 016828, quyển 05 TP/CC-SCC/DS do Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 15/5/2014 là vô hiệu.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy bỏ cập nhật tên Bùi Phương M trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH01695 do Ủy ban nhân dân quận K, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/10/2014 do bà A rút lại yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hà Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được miễn trừ số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng bà A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005519 ngày 10/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A được hoàn trả lại số tiền là 11.700.000 (Mười một triệu bảy trăm ngàn) đồng.

Bà Bùi Phương M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Phương M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà Bùi Phương M 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012378 ngày 27/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012409 ngày 31/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận K, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận K;
- Các đương sự;
- Lưu (T 17).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hằng